TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-6-2023
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Vân.

2. Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang: Ông Nguyễn Văn Công Em – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 185/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trương Văn Trọn, Văn phòng Luật sư Trương Văn Trọn, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Anh V, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ 6, ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chị N, anh V và luật sư có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/4/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị N trình bày: Chị và anh V chung sống vợ chồng năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 12/8/2020. Quá trình chung sống thì vợ chồng thường

xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn khả năng hàn gắn nên chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh V.

Về con chung: Có một người con chung tên L, sinh ngày 23/6/2021. Ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh V cấp dưỡng vì chị có thu nhập hàng tháng trên 6.000.000 đồng và có quyền sử dụng 02 thửa đất nên có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 09/5/2023, lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn anh V trình bày: Về quan hệ hôn nhân như chị N trình bày là đúng. Nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: Có một người con chung tên L, sinh ngày 23/6/2021. Cháu L hiện do anh nuôi dưỡng, chị N đi làm tại khu công nghiệp Tân Hương nên không có điều kiện nuôi con. Do đó, ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu chị N cấp dưỡng vì anh có thu nhập hàng tháng 20.000.000 đồng và có quyền sử dụng đất nên có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, con dưới 36 tháng tuổi giao cho mẹ nuôi, tức là phải giao cho chị N nuôi dưỡng. Chị N có chứng cứ chứng minh có đủ điều kiện nuôi con và hiện chị N đang nuôi dưỡng cháu L. Tại phiên tòa, anh V không tự nguyện cấp dưỡng, trong khi anh V xác định có thu nhập 20.000.000 đồng/tháng, điều đó thể hiện nghĩa vụ nuôi con của anh V bị hạn chế. Anh V cũng không có chứng cứ chứng minh mình có thu nhập hàng tháng và có quyền sử dụng đất như anh V trình bày. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang trình bày:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký thực hiện nhiệm vụ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự, đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh V. Về con chung: Giao cháu L, sinh ngày 23/6/2021 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh V trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N với anh V chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 12/8/2020 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N với anh V là hợp pháp. Chị N xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn như trên, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn khả năng hàn gắn nên chị N yêu cầu xin ly hôn với anh V. Anh V cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Xét chị N và anh V tự nguyện thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận.

[3] Về con chung: Chị N và anh V có một người con chung tên L, sinh ngày 23/6/2021.

Xét yêu cầu nuôi con của chị N thấy rằng: Cháu L hiện dưới 36 tháng tuổi nên được giao cho chị N nuôi theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Mặt khác, xét về điều kiện nuôi con thì chị N và anh V đều có đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, chị N có chứng cứ chứng minh thu nhập hàng tháng và có quyền sử dụng đối với 02 thửa đất. Còn anh V thì không có chứng cứ chứng minh thu nhập hàng tháng và có quyền sử dụng đất như anh V trình bày. Hơn nữa, với thiên chức làm mẹ nên chị N sẽ chăm sóc cháu L tốt hơn anh V. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu L, Hội đồng xét xử thấy cần phải giao cháu L cho chị N nuôi dưỡng.

[4] Không chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh V như phân tích ở trên.

[5] Xét, chị N không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi cháu L nên Hội đồng xét xử không giải quyết nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh V xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Xét lời trình bày của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận như phân tích ở trên.

[8] Về án phí: Chị N, anh V mỗi người phải chịu 50% án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên tại phiên tòa, chị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh V.

2. Về con chung: Giao cháu L, sinh ngày 23/6/2021 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh V trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị N tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017480 ngày 18/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị N đã thi hành xong án phí.

4. Chị N, anh V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.Cai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Công Vĩnh Đức